

Hồ Chí Minh với sự phát triển giáo dục phổ thông (1945 - 1954) : Luận văn ThS. Lịch sử: 60 22 56 Lê Thùy Linh ; Nghd. : PGS. Lê Mậu Hãn

1. Lý do chọn đề tài

John Dewey (1859 - 1952) - người khởi xướng trào lưu Tân giáo dục Mỹ có câu nói nổi tiếng: “Giáo dục chính là bản thân cuộc sống” (Education is life itself). Bởi giáo dục chính là cuộc sống nên ở bất kỳ thời đại nào, hoàn cảnh nào, quá trình giáo dục cũng luôn diễn ra. Ở đâu có cuộc sống con người, ở đó có giáo dục. Sự khác nhau là ở trình độ, phương pháp giáo dục ở mỗi thời điểm và không gian mà thôi.

Liên hệ với thực tế Việt Nam từ xưa đến nay, dù có những thăng trầm bởi chiến tranh, dịch họa nhưng giáo dục vẫn luôn là quá trình liên tục. Đặc biệt, khi Việt Nam là dân tộc hiếu học, có truyền thống học để làm người. Bởi vậy, từ trong lịch sử, cha ông ta đã thấy được vai trò của giáo dục nên việc học hành, thi cử được các nhà nước phong kiến kế tiếp nhau chăm lo phát triển.

Ngày nay, Đảng và Nhà nước ta xác định: “Khoa học và giáo dục đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới”. “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”. Sự tiến thoái của một quốc gia ngày càng phụ thuộc chặt chẽ vào trình độ phát triển của khoa học, kỹ thuật, suy cho cùng là bởi yếu tố con người. Bởi vậy, chiến lược phát triển con người được đặt ra, trong đó, lĩnh vực đầu tiên là giáo dục, đào tạo là nhu cầu tất yếu và cấp thiết. Giáo dục vừa là động lực, vừa là mục tiêu xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh.

Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ ý nghĩa của sự nghiệp giáo dục đối với sự tồn vong của dân tộc. Ngay trong năm đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ, giữa những chồng chất khó khăn, Người xác định đót cũng là một thứ giặc mà mức độ nguy hiểm của nó không thua kém gì giặc đói và giặc ngoại xâm. Cả cuộc đời Người đấu tranh không ngừng nghỉ cũng vì mục đích duy nhất “dân ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Người từng nói nước độc lập mà không đem lại hạnh phúc cho nhân dân thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Bởi thế, ngay sau khi cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, cùng với việc xây dựng nước Việt Nam mới, vừa kháng chiến chống Pháp, vừa kiến quốc, Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn dân đồng sức, đồng lòng xây dựng nền giáo dục quốc dân.

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục phổ thông đóng vai trò đặc biệt quan trọng, là nền tảng đầu tiên và cũng là tối ưu chuẩn bị cho con người ở những bước phát triển tiếp theo trong cuộc đời. Hiểu theo nghĩa hẹp, giáo dục phổ thông là một thể chế xã hội (tức nhà trường phổ thông) có nhiệm vụ đào tạo thế hệ trẻ từ tuổi có khả năng học tập đến tuổi có khả năng lao động thành những nhân cách của một chế

độ xã hội nhất định, từ đó mà trở thành người lao động, người công dân theo lý tưởng của xã hội đó. Giáo dục phổ thông được đánh giá là nền tảng văn hóa của một nước, đóng vai trò quyết định trong sự hình thành con người mới và là sức mạnh tương lai của dân tộc [11, 6 - 10].

Nhận thức được quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục và tầm quan trọng của giáo dục, đặc biệt của giáo dục phổ thông trong cuộc sống nói chung và bối cảnh hiện nay nói riêng, được sự chỉ bảo của các thầy giáo, trước hết là sự hướng dẫn tận tâm của PGS. Lê Mậu Hãn, tôi thực hiện luận văn Thạc sỹ *Hồ Chí Minh với sự phát triển giáo dục phổ thông (1945 - 1954)*.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Các công trình nghiên cứu về giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng chiếm một số lượng khá lớn và quan trọng. Số công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục Việt Nam cũng không nhỏ, trong đó bao gồm cả những bài nói và viết của Hồ Chủ tịch về giáo dục. Tựu trung lại có thể chia các công trình nghiên cứu trên thành các loại sau:

- *Thứ nhất* là tác phẩm của một số nhà lãnh đạo giáo dục Việt Nam từ sau cách mạng Tháng Tám 1945 đến nay như:

Vũ Đình Hòe với *“Những phương pháp giáo dục ở các nước và vấn đề cải cách giáo dục”* (Thanh Nghị Tùng Thư xuất bản, Hà Nội, 1945).

Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền với *“Những bài nói và viết về giáo dục”*, *“Quá trình xây dựng nền giáo dục Việt Nam trong 16 năm qua”*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1961. Con trai của cố Bộ trưởng, PGS. TS. Nguyễn Văn Huy sưu tầm, tuyển chọn, biên soạn những bài viết, những chỉ thị, nghị quyết liên quan đến giáo dục thành cuốn *“Nguyễn Văn Huyền toàn tập, Văn hóa và giáo dục Việt Nam, tập 3”*, nhà xuất bản Giáo Dục xuất bản năm 2005.

Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn có rất nhiều bài viết về giáo dục và sự nghiệp giáo dục Việt Nam: *“Giáo dục dân chủ mới”* (Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản năm 1949), *“Những vấn đề giáo dục”* (Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản năm 1950), *“Hai mươi năm xây dựng giáo dục”* (Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1965), *“Nền giáo dục Việt Nam lý luận và thực hành”* (Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1991). *“Hai mươi năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao”*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1966, viết chung với Hoàng Minh Giám, Phạm Ngọc Thạch, Hoàng Văn Thái.

Giáo sư Phạm Minh Hạc với *“Vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục”* (Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1986), *“45 năm phát triển nền giáo dục Việt Nam”* (Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1990), *“Education in Vietnam (1945 - 1991)”* (Hà Nội, 1991), *“Sơ thảo lịch sử giáo dục Việt Nam (1945 - 1990)”* (Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1992).

Võ Thuần Nho có công trình nghiên cứu *“35 năm phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông”* (Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1990).

Bộ trưởng Giáo dục Trần Hồng Quân với “*50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 - 1995)*” (Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1995)...

- *Thứ hai* là công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, một số nhà văn, nhà báo...

“*Hồ Chủ tịch, Nhà giáo dục vĩ đại*”, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990 của Giáo sư Nguyễn Lân đã hệ thống được toàn bộ quan điểm của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh về giáo dục.

Nguyễn Q. Thắng với “*Khoa cử và giáo dục Việt Nam*” (Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1993).

Phan Trọng Báu với “*Nền giáo dục Việt Nam thời cận đại*” (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994).

“*Hồ Chí Minh với nền văn hóa mới Việt Nam trước 1954*” của Bùi Đình Phong, nhà xuất bản Lao động xuất bản năm 1994.

“*Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng Tháng Tám 1945*” của Nguyễn Đăng Tiến, Nguyễn Tiến Doãn, Hồ Thị Hồng..., nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội, 1996.

- *Thứ ba*, một số luận văn, luận án viết về giáo dục như:

Đỗ Thị Nguyệt Quang với Luận án Phó Tiến sỹ Khoa học Lịch sử “*Quá trình xây dựng và phát triển nền giáo dục Việt Nam mới từ tháng 9 - 1945 đến tháng 7 - 1954*”, Hà Nội, 1996.

“*Đảng lãnh đạo và tổ chức mặt trận văn hóa kháng chiến (1945 - 1954)*”, Luận văn Thạc sỹ Khoa học Lịch sử của Trần Thị Thanh Giang, Hà Nội, 2006.

“*Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục kháng chiến kiến quốc (1945 - 1954)*”, Luận văn Thạc sỹ Khoa học Lịch sử của Phạm Nguyên Phương, Hà Nội, 2007.

Bên cạnh đó, còn có nhiều bài viết in trên các tạp chí của các tác giả khác.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài “*Hồ Chí Minh với sự phát triển giáo dục phổ thông (1945 - 1954)*”, đối tượng nghiên cứu là giáo dục phổ thông trong những năm 1945 - 1954 trong sự tiến triển, vận động không ngừng với cuộc kháng chiến chống Pháp của toàn dân.

Khung thời gian nghiên cứu được giới hạn từ khi cách mạng Tháng Tám 1945 thành công đến hết năm 1954 - năm đánh dấu thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Phạm vi không gian được mở rộng trong cả nước, ở khắp miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

Để làm rõ thêm bản chất cách mạng của nền giáo dục dân tộc, dân chủ của nước Việt Nam trong giai đoạn 1945 - 1954, luận văn đề cập đến tình hình giáo dục phản động, nô dịch của thực dân Pháp thực thi trên đất nước ta trong giai đoạn trước. Qua đó, gợi lên sự so sánh để thấy được tính khác biệt về bản chất của hai nền giáo dục cách mạng và giáo dục thực dân, khẳng định tính ưu việt của nền giáo dục dân chủ.

4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành đề tài này, luận văn đã sử dụng các nguồn tài liệu sau:

- Các bài nói và bài viết về giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh được tập hợp trong “*Hồ Chí Minh toàn tập*” (Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002).

- Các sách viết về Hồ Chí Minh với giáo dục và các vấn đề giáo dục của các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, nhà báo...

- Các bài viết được đăng tải trên *Công báo*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, tạp chí *Lịch sử Đảng*.

Bên cạnh phương pháp nghiên cứu lịch sử, các phương pháp được dùng chủ yếu là phương pháp thống kê, phân tích. Tình hình giáo dục phổ thông được phản ánh qua những con số cụ thể chính xác. Đó là những số liệu về trường, lớp, số lượng học sinh, giáo viên, số tốt nghiệp các cấp... đòi hỏi học viên phải sử dụng phương pháp thống kê. Từ đó, phân tích các số liệu để thấy được giáo dục phổ thông 1945 - 1954 phát triển hay bị suy giảm.

Phương pháp so sánh lịch sử được học viên sử dụng nhằm làm sáng tỏ sự khác biệt của giáo dục phổ thông trong mỗi giai đoạn 1945 - 1946, 1946 - 1950, 1950 - 1954; cụ thể hơn là dùng so sánh số liệu của các năm học với nhau.

5. Đóng góp chính của luận văn

Luận văn có các mục tiêu nghiên cứu rõ ràng. Những tư liệu lịch sử, những nhận định, đánh giá về tình hình giáo dục phổ thông 1945 - 1954 rất phong phú. Tư liệu, đánh giá đó có khi chuyên sâu, có khi khái lược nhưng nhìn chung, chưa cung cấp được cho chúng ta cái nhìn toàn diện, liên mạch và chi tiết về các cấp học phổ thông thời gian này, đặc biệt trong việc khẳng định vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi vậy, với đề tài nghiên cứu này, chúng tôi hệ thống hóa các nguồn tài liệu nói về giáo dục phổ thông giai đoạn 1945 - 1954. Trên cơ sở đó, chúng tôi trình bày quá trình hình thành, phát triển và những thành tựu của giáo dục phổ thông 1945 - 1954 theo dòng chảy liên tục của thời gian 9 năm và trong góc độ giáo dục phổ thông dưới tư tưởng và sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thông qua những căn cứ khoa học, luận văn làm rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với giáo dục, phân tích vai trò của Chủ tịch trong việc xây dựng nền giáo dục phổ thông mới và tác dụng đối với công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc.

Qua đó, luận văn rút ra một số nhận xét, bài học kinh nghiệm góp phần phục vụ công cuộc xây dựng nền giáo dục hiện nay.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài *Phân mở đầu* và *Kết luận*, luận văn gồm 3 chương chính:

- Chương 1: *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh lên án nền giáo dục thực dân*.
- Chương 2: *Hồ Chí Minh với việc tổ chức xây dựng nền giáo dục phổ thông mới (1945 - 1954)*.
- Chương 3: *Giáo dục phổ thông dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh thần cải cách giáo dục (1950 - 1954)*.

Phân Phụ lục và Tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1

NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH LÊN ÁN

NỀN GIÁO DỤC THỰC DÂN

1.1. Thực trạng giáo dục phổ thông dưới ách thống trị của Pháp, Nhật

Dưới mỗi thời Toàn quyền, dù thành văn hay không thành văn, dù được phát biểu thành lời hay ẩn sau những hành động, tư tưởng đồng hóa của thực dân Pháp cũng đã thể hiện rõ ngay từ khi Pháp xâm lược và đặt ách thống trị lên đất nước ta. Giáo dục trở thành một trong những lợi khí để thực dân Pháp chinh phục thuộc địa. Chính sách giáo dục thực dân Pháp thực thi trên đất nước ta không nằm ngoài mục đích:

- Đào tạo những người bản xứ phục vụ cho bộ máy cai trị.
- Đồng hóa nhân dân Việt Nam nhằm biến họ thành người ngoan ngoãn, phục tùng sự thống trị của Pháp.
- Truyền bá tư tưởng nô dịch trong nhân dân.

Thực dân Pháp chinh phục đất đai còn chưa đủ mà còn muốn chinh phục tâm hồn nữa. Chúng muốn nhân dân Việt Nam phải hoàn toàn quy phục nước Pháp, muốn đất và người Việt Nam là đứa con dưới quyền của “nước mẹ” Pháp. Việt Nam hoàn toàn lệ thuộc vào Pháp cả về vật chất và tinh thần.

Trong một bức thư mật đề ngày 1 - 3 - 1899 của một thống sứ gửi cho viên Toàn quyền Đông Dương thể hiện rõ tư tưởng nô dịch của chúng trong giáo dục: “thật không thể nào để cho người An Nam được học lịch sử và đọc sách của chúng ta mà không gây cho họ lòng yêu nước, yêu tự do...Kinh nghiệm của các dân tộc Châu Âu khác cũng đã chỉ rõ rằng việc truyền bá một nền học vấn đầy đủ cho người bản xứ là hết sức đại dột”[62, 17]. Những lời trắng trợn của thực dân Pháp đầy rẫy trên các ấn phẩm sách báo thời bấy giờ, ví như: “Đối với cái giống nòi Annamít ấy, chỉ có một cách tốt để cai trị nó - đó là ách thống trị bằng sức mạnh...Truyền học vấn cho bọn Annamít hoặc cho phép chúng tự chúng có học vấn, tức là một mặt cung cấp cho chúng những súng bắn nhanh để chống chúng ta, và mặt khác đào tạo những con chó thông thái gây rắc rối hơn là có ích...”[17, 7]. Thực dân Pháp thừa khôn ngoan để nhận thấy sự nguy hại khi cung cấp một nền học vấn đầy đủ cho các dân tộc thuộc địa.

Vì vậy, sau khi chiếm được Việt Nam một cách căn bản, thực dân Pháp đã nhanh chóng thực hiện tư tưởng: sau khi người lính đã hoàn thành sự nghiệp của mình thì đến lượt người giáo viên thực hiện sự nghiệp của họ. Tư tưởng xuyên suốt trong chính sách giáo dục thực dân Pháp là “Nếu chúng ta muốn đặt được vĩnh viễn ảnh hưởng của nước Pháp lên phần đất này (Việt Nam) của thế giới, thì phải làm cho họ (người Việt Nam) tiếm nhiệm tư tưởng của chúng ta (Pháp), dạy cho họ tiếng nói của chúng ta và do đó phải bắt đầu từ nhà trường và trước tiên chú ý đến trẻ em”[47, 180 - 181].

Trong quá trình xâm lăng và bình định, thực dân Pháp đã tìm cách loại bỏ dần dần nền giáo dục truyền thống của người Việt Nam. Từ năm 1867, ở Nam Bộ đã bãi bỏ các khoa thi chữ Nho. Năm 1915, bãi bỏ thi Hương ở Bắc Bộ và năm 1918 là ở Trung Bộ. Phép học cũ và chế độ khoa cử cáo chung: “Thi tàn học cũng tàn theo”. Người Pháp không chỉ thành công trong việc chia cắt nước Việt Nam thành các xứ Bắc,

Trung, Nam mà còn thay đổi lối học tập của người Việt. Luật học mới được thay thế, chính thức ban hành ngày 21 - 12 - 1917 đặt ra nền học Pháp Việt thay cho nền học cũ. Thực tế, bản chất của nền giáo dục này không hoàn hảo, đẹp đẽ như cái tên “Pháp Việt” bình đẳng, thân thiện và đầy thiện chí các nhà cầm quyền đưa ra. Một nền giáo dục không ra Pháp, không ra Việt bởi tính chất của nó thấm đẫm màu thực dân, suy cho cùng vì mục đích kinh tế hơn vì giáo dục và sự phát triển con người Việt Nam.

Đào tạo một số người bản xứ phục vụ trực tiếp cho công cuộc thống trị là một trong những động lực thúc đẩy thực dân Pháp thực hiện nhanh những chính sách giáo dục thực dân. Người Pháp nhận thức được những khó khăn khi tự mình cai trị xứ sở thuộc địa đầy nóng bỏng này cũng như những thuận lợi khi đào tạo ra một số người bản xứ thừa hành ngoan ngoãn. Với thực dân Pháp, việc mở rộng nền giáo dục của Pháp trở thành một nhu cầu cấp thiết nhất để có thể đào tạo được những người giúp việc có khả năng.

Trong tay những kẻ đi xâm lược, giáo dục không nhằm phục vụ quần chúng nhân dân đông đảo mà là công cụ phục vụ cho một số ít người. Thực dân Pháp bóp méo tính chất cao quý và chân thực của giáo dục, sử dụng giáo dục vào mục đích thực dụng xấu xa là thực hiện từng bước chính sách đồng hoá thâm độc và khai thác tối đa những nguồn lợi tài nguyên, nhân lực trên những phần thuộc địa.

Trong vấn đề chữ viết, người Pháp vấp phải vô vàn khó khăn trong quá trình thực hiện. Đối với thực dân Pháp, thật quá khó để học chữ Hán và chữ Nôm. “Dạy cho họ tiếng nói của chúng ta” cũng không dễ dàng như người Pháp nghĩ. Thái độ chung của người Việt Nam là tẩy chay, chống đối nên số người tình nguyện theo học tiếng Pháp thật quá ít ỏi. Tư tưởng đi học tiếng Pháp - thứ ngôn ngữ của kẻ thù cướp nước là theo Pháp, làm tay sai cho giặc, là vong tổ, phản quốc, đi ngược lại quyền lợi của quần chúng nhân dân rất sâu đậm trong nhân dân. Do đó, trong con mắt của người Pháp, “tình hình bước đầu của những trường học quả là vất vả... những lời kêu gọi đối với những người chủ gia đình cho con em đi học đều được coi là một cách bất lỉnh, chủ làng đi bắt trẻ con như người ta bắt thuế”[2, 37].

Để tháo gỡ những khó khăn đó, Pháp buộc phải tiến hành một cách từ từ, phải đành lòng dùng những phương tiện vừa có sức thuyết phục, lại vừa là những phương tiện ít tốn kém, đồng thời chính trị hơn, vững chắc hơn [62, 15].

Với chữ Nho, thực dân Pháp tỏ thái độ không quyết liệt ngăn cấm mà dùng những cách thức tinh vi hơn để giảm tối đa sự phản kháng của người Việt đối với nền học Pháp - Việt.

Đồng thời, thực dân Pháp chủ trương không vội vàng dạy ngay tiếng Pháp cho người Việt mà dùng chữ quốc ngữ làm chuyển ngữ trong một vài lớp đầu tiên rồi mới chuyển sang học tiếng Pháp. Không phải ngẫu nhiên mà thực dân Pháp sử dụng chữ quốc ngữ như một công cụ mới phục vụ đắc lực cho chiến lược lâu dài xây dựng trên thuộc địa này một nền giáo dục thực dân hoàn hảo. Người Pháp nhanh chóng nhận ra giá trị và sự tiện lợi khi sử dụng chữ quốc ngữ: “Việc người bản xứ có thể đọc viết bằng chữ quốc ngữ đối với chúng ta hết sức có lợi. Các công chức của chúng ta, các nhà buôn của chúng ta có thể học rất dễ dàng cách kí hiệu đó, và sự liên hệ của chúng ta với người bản xứ sẽ dễ dàng hơn nhiều”. Rõ ràng, chủ

trương dạy chữ quốc ngữ cho người Việt Nam không chỉ đem lại tiện ích kinh tế và thời gian cho người Pháp mà còn có ý nghĩa chính trị rất cụ thể. Nâng cao vai trò của chữ quốc ngữ, đồng thời hạ thấp giá trị của chữ Hán, chữ Nôm, người Pháp nhằm loại bỏ vai trò của những nhà nho - những trí thức Việt Nam - người sớm nhận thức được âm mưu của thực dân Pháp và là những người đầu tiên thấm thía nỗi nhục mất nước, nặng lòng cứu nước cứu dân, âm mưu chống lại người Pháp quyết liệt nhất. Loại bỏ Hán học, thực dân Pháp còn nhằm ngăn chặn những luồng tư tưởng tiến bộ tràn vào nước ta qua con đường Trung Quốc và Nhật Bản.

Với mục đích giáo dục nô dịch, tiếng Pháp dần trở thành thứ tiếng được dùng chủ yếu trong hầu hết các cấp học. Ngược lại, tiếng Việt - tiếng nói của dân tộc Việt Nam bị xem nhẹ, được giảng dạy giống như một ngoại ngữ trong chương trình.

Nội dung giáo dục cho thấy rõ thực dân Pháp đã thực hiện chính sách ngu dân đối với dân tộc Việt Nam thâm độc như thế nào. Không một yếu tố dân tộc nào được đề cập đến trong nội dung giảng dạy của các nhà trường dưới chế độ thực dân.

Không chỉ thế, thực dân Pháp còn ra sức ngăn trở những luồng tư tưởng tiến bộ, những thành tựu giáo dục của nhân loại vào Việt Nam.

Quy mô giáo dục rất bé nhỏ, số lượng trường học ít ỏi. Để vây hãm dân ta trong vòng ngu dốt, thực dân Pháp hạn chế tối đa việc mở trường nên nạn thiếu trường học diễn ra trầm trọng. Việc học trở thành một đặc quyền của những tầng lớp trên trong xã hội, của các con em thực dân và tay sai thân Pháp. Trong “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra: “Thế mà người An Nam lại có những 10 trường học, những 1500 đại lý rượu và thuốc phiện cho 1000 làng kia đây!”[18, 38]. Trong thực tế, con số trường lớp thật sự bi thảm!

Với nhãn quan thực dân, Meclanh cho rằng 9/10 học sinh nông thôn Việt Nam không đủ sức theo học hết bậc sơ học nên chỉ cần mở nhiều trường thuộc bậc sơ học, những trường cao hơn là không cần thiết. Thực tế cho thấy Meclanh hô hào “phát triển giáo dục theo chiều nằm” không đồng nghĩa với việc hệ thống giáo dục cấp thấp sẽ được Pháp chú trọng mở mang và phát triển đầy đủ. Số học sinh đi học rất ít ỏi. Người ta tính bình quân cứ 100 người dân thì có 0,4 học sinh tiểu học, chiếm tỷ lệ có 0,4% trong dân số.

Bậc trung học cũng chỉ có ở Hà Nội và Sài Gòn. Số lượng trường và học sinh dường như có thể đếm được trên đầu ngón tay. Mang danh khai hoá văn minh cho người An Nam mà đến năm 1917, trên toàn Việt Nam mới có 5 trường Trung học.

Hạn chế mở trường nhưng thực dân Pháp lại cũng ra sức ngăn cấm việc đi du học của những người có mong muốn học cao hơn. Theo chúng “con đường sang Pháp là con đường chống Pháp”[47, 188] nên chúng ra sức gây khó dễ.

Thực dân Pháp coi giáo dục là công cụ quan trọng để chinh phục thuộc địa và là “lợi khí của bọn thực dân để thực hiện mục đích đầu độc các thế hệ thanh niên”. Vì thế, thực dân Pháp đã để lại những di hại

nặng nề đối với nền giáo dục, đời sống văn hoá và tinh thần của người Việt Nam. Điển hình là cả một dân tộc bị thất học là kết quả của 80 năm “khai hoá” của người Pháp ở Việt Nam.

1.2. Nguyễn Ái Quốc đấu tranh chống nền giáo dục thực dân

Ngay từ thời gian mới tham gia hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã có nhiều bài viết, bài nói và hành động lên tiếng tố cáo chính sách ngu dân của thực dân Pháp. Người tổng kết thành những luận điểm có sức tố cáo mạnh mẽ: “*Làm cho u mê để thống trị*”, đó là phương pháp mà nhà cầm quyền ở các nước thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất”. “Thâm ý của họ chỉ là đẩy người An Nam vào vòng ngu tối”[17,155, 398]. “*Làm cho dân ngu để dễ trị*, đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất”[18, 99].

Ở Pháp, Người tích cực hoạt động trong các tổ chức, viết sách báo nhằm vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân, để quốc đối với các dân tộc thuộc địa. Tác phẩm tiêu biểu của Người là “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”. Người tố cáo: “Sự thật là người Đông Dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết” và vạch trần sự thật về nạn thiếu trường học một cách trầm trọng và nói lên khao khát học tập của người Việt Nam.

Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ mâu thuẫn trong việc hạn chế mở trường với việc kiểm toà những ai có ý định đi du học. Hình thức là mâu thuẫn nhưng thực chất là sự thống nhất trong việc thực hiện chính sách ngu dân của thực dân Pháp.

Nội dung giáo dục “không phải để giáo dục cho thanh niên Việt Nam một nền học vấn tốt đẹp và chân thực, mở mang trí tuệ và phát triển tư tưởng cho họ, mà trái lại càng làm cho họ dần dần thêm. Ngoài mục đích giáo dục để đào tạo tùy phái, thông ngôn và viên chức nhỏ đủ số cần thiết phục vụ cho bọn xâm lược, người ta đã gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng “trung thực” giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình và đang áp bức mình. Nền giáo dục ấy dạy cho thanh thiếu niên khinh rẻ nguồn gốc, dòng giống mình. Nó làm cho thanh thiếu niên trở nên ngu ngốc”[17, 399]. Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ trường thuộc địa chẳng qua là nơi “chế tạo” ra những nhà khai hóa tương lai mà thôi!

Trong khi đó, kết hợp với giáo dục trong nhà trường là hàng loạt những hoạt động khác bổ sung cho việc thực hiện chính sách ngu dân. Phương tiện hữu hiệu nhất là rượu cồn và thuốc phiện: “Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của chính phủ”[17, 28]. Có khi Người lại viết một cách mỉa mai: “May mắn thay! Tuy chúng tôi thiếu trường học, nhưng nước Pháp đã ban cho chúng tôi rất nhiều nhà thổ, tiệm hút thuốc phiện và ty rượu”[17, 314];

Thực dân Pháp ra sức bóc lột, bòn rút của cải và sức lực của người dân nên nhân dân Việt Nam bị bán cùng hoá. Trước thực trạng đó, Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Người Pháp đến đã làm thay đổi tất cả”. Người

đã nhìn ra được nguyên nhân sâu xa và thủ phạm cuối cùng gây nên sự thất học của người dân An Nam. Đó là sự thực không thể chối cãi!

Lên án thực dân Pháp ngược đãi giáo viên người bản xứ được Nguyễn Ái Quốc nói đến trong nhiều bài viết. Tội ác của thực dân được phơi bày. Sự bất công trong chế độ tiền lương cũng như các mặt của cuộc sống giữa giáo viên bản xứ và giáo viên người Pháp là điều dễ hiểu. Bất luận là ai, dù chỉ là giám thị trong nhà trường nhưng trên đất thuộc địa thì người Pháp đương nhiên được hưởng một đời sống đế vương. Trong công việc, dù có cùng cấp bậc thì người da trắng cũng là cấp trên.

Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc tố cáo chính sách ngu dân của thực dân Pháp mà Người đã đấu tranh đòi Chính phủ Pháp phải mở mang giáo dục. Người gửi bản “*Yêu sách của nhân dân An Nam*” tới hội nghị Vecxay đòi quyền tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ. Khi có điều kiện, Người đưa ra chủ trương, hành động cụ thể để xây dựng nền giáo dục toàn dân và kêu gọi mọi người đồng lòng thực hiện.

Chủ trương chống nền giáo dục thực dân, xây dựng nền giáo dục dân tộc và dân chủ của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Đấu tranh vì một nước Việt Nam có trình độ dân trí cao luôn luôn song hành với cuộc đấu tranh giành độc lập và bảo vệ độc lập dân tộc. Đó chính là một tiền đề quan trọng quyết định trực tiếp đối với công cuộc xây dựng một nền giáo dục mới của nước Việt Nam trong các giai đoạn sau dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG 2

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC TỔ CHỨC XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI (1945 - 1950)

2.1. Giáo dục phổ thông trong năm đầu tiên của nước Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa (1945 - 1946)

2.1.1. Chủ trương mới về giáo dục của Hồ Chí Minh

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã gặp muôn vàn khó khăn. Chính quyền cách mạng ở vào một tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Một thách thức nghiêm trọng đối với cách mạng Việt Nam trong thời điểm này là đối phó cùng lúc với nhiều thế lực quân sự đối địch của các nước lớn có mặt tại Việt Nam và các lực lượng chống lại chế độ mới ở trong nước.

Tình hình trong nước sau cách mạng làm khó khăn lại chồng chất khó khăn. Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập chưa được củng cố.

Bên cạnh những khó khăn chồng chất, nước ta có được một số thuận lợi căn bản là tiền đề quan trọng cho công cuộc kháng chiến kiến quốc và việc xây dựng nền giáo dục nước nhà: xóa bỏ chế độ phong kiến,

thực dân Pháp và phát xít Nhật; có chính quyền cách mạng, có Chính phủ, Đảng lãnh đạo mà linh hồn là Chủ tịch Hồ Chí Minh; tinh thần dân tộc phấn khởi, tin tưởng vào tiền đồ cách mạng.

Trước tình hình mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với chính quyền cách mạng non trẻ đã có những chỉ đạo kịp thời, đúng đắn: củng cố chính quyền cách mạng, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Phải tập trung lực lượng của dân tộc để chống giặc ngoại xâm, giặc đói và giặc dốt.

Về văn hóa, phải tổ chức Bình dân học vụ, tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ, cổ động văn hóa cứu quốc, kiến thiết nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: khoa học hóa, đại chúng hóa, dân tộc hóa [7, 28].

Ngày 3 - 9 - 1945, chỉ một ngày sau khi đọc bản “*Tuyên ngôn độc lập*” khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra 6 nhiệm vụ cấp bách nhằm bước đầu thực hiện chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Trong đó, giáo dục được đặt là vấn đề cần kíp thứ hai.

Trong quan niệm của Người, giáo dục không chỉ có tính chất phổ cập đơn thuần mà phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng, là phương tiện để thực hiện cuộc đấu tranh rộng lớn đó. Trong “*Toàn dân kháng chiến*”, Hồ Chủ tịch khẳng định: “Cậu bé chăm chỉ học hành trong nhà trường cũng là kháng chiến”[20, 84].

Với những quan điểm mới và sâu sắc về giáo dục, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn dân xây dựng một nền giáo dục mới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với quan điểm xuyên suốt là dân tộc, khoa học và đại chúng. Trên tinh thần đó, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân xây dựng một nền giáo dục mới ngay trong quá trình thành lập, củng cố và hoàn thiện bộ máy chính quyền. Năm đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đồng thời cũng là một năm đáng ghi nhớ của nền giáo dục Việt Nam.

2.1.2. *Cải tổ và xây dựng bước đầu hệ thống giáo dục phổ thông mới*

Trong những năm 1945 - 1946, với vai trò là Chủ tịch Chính phủ của nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh đã không ngừng hoạt động cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Riêng trên địa hạt giáo dục, với những công lao to lớn, Người xứng đáng được coi là người tạo nền móng cho một nền giáo dục dân tộc dân chủ của Việt Nam mới.

Tính dân tộc của nền giáo dục mới được thể hiện ở việc tiếng Việt trở thành ngôn ngữ chính để giảng dạy trong nhà trường thay cho tiếng Pháp dưới thời thuộc địa. Trong nước dấy lên phong trào Bình dân học vụ, bỏ túc văn hóa, giảng dạy và học tập chữ quốc ngữ sôi nổi, nâng cao trình độ văn hóa cho mọi tầng lớp nhân dân. Đó là điều kiện quan trọng, tạo tiền đề cho sự phát triển giáo dục phổ thông trong toàn quốc.

Sắc lệnh 146/SL ngày 10 tháng 8 năm 1946 đặt những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục mới: “Nền giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nền giáo dục duy nhất, đặt trên ba nguyên tắc cơ

bản: đại chúng hóa, dân tộc hóa, khoa học hóa và theo tôn chỉ phụng sự lý tưởng quốc gia và dân chủ”[77, 443]. Sắc lệnh quy định rõ bậc giáo dục ba cấp học là:

Đệ nhất cấp: bậc học cơ bản.

Đệ nhị cấp có hai ngành: ngành học tổng quát và ngành học chuyên môn.

Đệ tam cấp: bậc đại học.

Sắc lệnh số 147/SL ngày 10 tháng 8 năm 1946 tổ chức bậc học cơ bản, quy định bậc học này là cưỡng bách, đồng thời học sinh không phải trả học phí...đã góp phần quan trọng vào việc cải tổ các ngành học.

Trên cơ sở kế thừa những giá trị khoa học của giáo dục Pháp để lại, dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, các trường cũ được cải tổ và thành lập thêm nhiều trường mới. Một loạt trường được mở ở các nơi trên cả nước như Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Giang, Sơn Tây...theo những sắc lệnh của Nhà nước đã được phê duyệt của Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. “*Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*” trong những năm 1945 - 1946 đã ghi nhận và thông báo rất kịp thời tất cả những thành quả này.

Lập thêm nhiều trường mới, đồng thời để khuyến khích thêm tinh thần học tập của học sinh, Hồ Chí Minh phê duyệt quyết định cho đổi tên một số trường trung học ở Bắc Bộ. Việc lấy tên hiệu của các danh nhân trong quốc sử để đặt tên trường không chỉ là hình thức nêu gương sáng các anh hùng, những nhân tài dân tộc mà góp phần khẳng định tính dân tộc của nền giáo dục Việt Nam.

Thời gian này, để đáp ứng nhu cầu giáo dục, các lớp sư phạm đào tạo giáo viên được mở như lớp huấn luyện giáo sư trung học dạy Quốc văn và Anh văn; Ngày 8 - 10 - 1946, sắc lệnh 194/SL thành lập ngành Sư phạm của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được ban hành. Ngành học gồm 3 cấp: Sư phạm sơ cấp, Sư phạm trung cấp, Sư phạm cao cấp.

Thực tế lịch sử cho thấy ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh cùng những nhà lãnh đạo khác đã có kế hoạch cải tổ nền giáo dục nước nhà. Ngày 10 - 10 - 1945, Người ký Sắc lệnh số 46/SL thiết lập một Hội đồng cố vấn học chính để giúp Chính phủ chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy học chính các cấp và các trường theo đúng tinh thần mới. Do điều kiện chiến tranh nên cuộc cải cách này không thực hiện được.

Năm 1945 - 1946, giáo dục Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng tự hào, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn bộn bề lúc bấy giờ là cả một nỗ lực lớn lao của Chính phủ, Hồ Chủ tịch và toàn dân. Hệ thống trường sở có sự phát triển vượt bậc so với thời kỳ trước. Theo thống kê của Bộ Giáo Dục, con số đó cụ thể như sau:

Bậc tiểu học:

- 4952 trường (kể cả trường sơ cấp).
- 8720 giáo viên.
- 284.314 học sinh.

Bậc trung học:

- 29 trường. Trong đó, Bắc Bộ: 9 trường; Trung Bộ: 6 trường công, 10 trường bán công; Nam Bộ: 4 trường.

- 31 giáo sư trường công.

- 2378 học sinh [39, 21].

Với những thành tựu trên cho thấy chúng ta đã đi từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ dưới đi lên trong việc xây dựng hệ thống giáo dục phổ thông tương đối hoàn chỉnh.

2.2. Giáo dục phổ thông đồng hành với kháng chiến (1946 - 1950)

2.2.1. Chủ trương giáo dục phổ thông phục vụ kháng chiến, kiến quốc

Thực dân Pháp đã phản bội lại *Hiệp định sơ bộ* (6 - 3 - 1946), tìm mọi cách quay trở lại, trắng trợn nổ súng tấn công đồng bào ta ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, đánh chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn. Đến tháng 12 - 1946, tình hình càng trở nên nghiêm trọng hơn. Thực dân Pháp đã tăng thêm quân chiếm đóng Đà Nẵng, Hải Dương và đánh phá nhiều nơi ở Hà Nội, gây ra nhiều vụ tàn sát đẫm máu. Súc ép về một cuộc chiến tranh càng nặng nề hơn khi ngày 18 - 12 - 1946 tướng Moóclie gửi tới hậu thư đòi chiếm Sở Tài chính và quyền giữ trị an ở Hà Nội và tuyên bố sẽ hành động ngày 20 - 12 - 1946 nếu Chính phủ Việt Nam không chấp nhận những yêu cầu đã đặt ra.

Trước tình thế khẩn cấp, Đảng, Nhà nước, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh phải có quyết định kịp thời, dứt khoát. Đúng 20 giờ ngày 19 - 12 - 1946, tín hiệu bắt đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc được phát ra và “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*” của Người được truyền đi khắp cả nước.

Theo lời hiệu triệu của Người, cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. Nền giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng trở thành một bộ phận không tách rời của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Giáo dục phổ thông đồng hành với kháng chiến và phục vụ cho công cuộc kháng chiến kiến quốc của nước nhà. Những bài nói và viết trong thời kỳ này đã thể hiện rõ quan điểm giáo dục này của Người. Quan điểm của Người về nhiệm vụ của giáo dục cách mạng chính là sự tiếp tục và phát triển cao hơn, hoàn chỉnh, sâu sắc hơn quan điểm đã có từ trước năm 1945.

Giáo dục cần được phát triển vì một mục tiêu rất thiết thực: “Người già thì chết, người trẻ thì già. Chúng ta già thì chúng ta phải chết, phải chuẩn bị cán bộ” nghĩa là chuẩn bị đội ngũ kế cận gánh vác công việc kháng chiến kiến quốc của nước nhà. Vì vậy, giáo dục phát triển phải chấn chỉnh theo nguyên tắc: “Trước học một đường, hành một nẻo. Nay phải sửa chương trình làm sao để học thì hành được ngay” [21, 59 - 60]; cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước, thương nòi. Phải dạy cho họ có chí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ. Phải dùng những lời lẽ giản đơn, những thí dụ thiết thực mà giải thích: Dân chủ là gì, tự do là gì, thuộc địa là gì. Vì sao ta phải kháng chiến. Họ có thể làm những việc gì để giúp đỡ kháng chiến. Nên giữ bí mật thế nào, đề phòng Việt gian thế nào. Nên giúp đồng bào tản cư thế nào. Nên giúp bình dân học vụ thế nào, v.v..

Nhân kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, Người viết thư ân cần dặn dò nhi đồng toàn quốc: “Còn cháu nào cũng biết siêng học, siêng làm, biết ăn ở sạch sẽ, biết giữ kỷ luật, lễ phép, thế là tốt lắm. Bác khuyên các cháu gắng sức thêm. Việc gì có ích cho kháng chiến, có ích cho Tổ quốc thì các cháu nên gắng sức làm. Làm được bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Tuổi các cháu còn nhỏ, thì các cháu làm những công việc nhỏ. Nhiều công việc nhỏ cộng lại thành công việc to. Bác mong các cháu làm việc và học hành, cho xứng đáng là nhi đồng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thống nhất và độc lập”[21, 192 - 193]. Trong một bức thư khác, Người còn chỉ rõ cho thế hệ trẻ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của mình để khuyến khích tinh thần học tập của thanh thiếu niên: “Ngày nay, người lớn kháng chiến để tranh lại độc lập thì mai sau các cháu phải giữ vững nền độc lập của ta. Vì vậy, các cháu phải cố gắng thi đua học tập và làm việc hơn nữa”[21, 669].

Giáo dục phục vụ kháng chiến kiến quốc được thể hiện sâu sắc qua thư Người gửi Hội nghị giáo dục toàn quốc năm 1948:

“Về vấn đề giáo dục, tôi có mấy ý kiến sau đây công hiến với Hội nghị.

Chúng ta cần phải có một nền giáo dục kháng chiến và kiến quốc. Vì vậy, chúng ta:

1. Phải sửa đổi triệt để chương trình giáo dục cho hợp với sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.
2. Muốn như thế, chúng ta phải có sách kháng chiến và kiến quốc cho các trường.
3. Chúng ta phải sửa đổi cách dạy cho hợp với sự đào tạo nhân tài kháng chiến và kiến quốc.
4. Chúng ta phải đào tạo cán bộ mới và giúp đỡ cán bộ cũ theo tôn chỉ kháng chiến và kiến quốc.
5. Về bình dân học vụ, nhờ sự hi sinh cố gắng của nam nữ giáo viên, đã có kết quả rất tốt đẹp. Bây giờ số đông đồng bào đã biết đọc biết viết thì chúng ta phải có một chương trình để nâng cao hơn trình độ văn hóa phổ thông của đồng bào”[21, 462].

Đồng thời đây cũng là những chỉ đạo của Người trong công tác đổi mới giáo dục. Tuy trên bình diện rộng lớn nhưng những chỉ đạo đó đã vạch ra đường hướng đổi mới đúng đắn cho giáo dục về nội dung, phương tiện thực hiện và cách thức giáo dục đều theo tôn chỉ duy nhất: kháng chiến và kiến quốc.

Trong thời gian này, không dưới một lần Người chỉ rõ mục đích của việc học. Trang đầu Sổ vàng của trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương (sau là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), Người viết: Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, “giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”[21, 684].

Trả lời cho câu hỏi: “Học để làm gì?”, Bác viết: Học để sửa chữa tư tưởng, Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng, Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn.

Khi cả nước bước vào cuộc kháng chiến, với vai trò Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người cùng với Đảng, Chính phủ có những chỉ đạo sâu sắc về công tác giáo dục để phù hợp với tình hình mới thể hiện qua: Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV (tháng 4 - 1947), Nghị quyết Hội

ng nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng mở rộng họp tháng 1 năm 1948, Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV (miền Bắc Đông Dương) ngày 20 - 5 - 1948, Hội nghị Giáo dục ngày 2 tháng 3 năm 1949 với tinh thần chung là mở mang, chinh đồn giáo dục cho thích hợp với tinh thần kháng chiến và dân chủ, phục vụ cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc của nước nhà.

Ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng, Nhà nước ta đã có những chủ trương đổi mới giáo dục nhằm phục vụ sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Về cơ bản, đó là sự kế tục và phát triển những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục nói chung và giáo dục kháng chiến từ những năm 1945 - 1946. Giáo dục phổ thông là bộ phận không thể thiếu cấu thành nên nền giáo dục hoàn chỉnh nên cũng phải góp phần thực hiện những nhiệm vụ chính trị quan trọng đó.

2.2.2. Sự phát triển của giáo dục phổ thông những năm 1946 - 1950

Bước vào cuộc kháng chiến, nền giáo dục nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng phải từng bước thích nghi với điều kiện đất nước có chiến tranh. Nhân tài, vật lực của quốc gia đều dồn cho cuộc chiến, đất nước lại chịu sự phá hoại của thù trong giặc ngoài nên khó khăn chồng chất. Những điều kiện cho sự phát triển giáo dục tất yếu bị ảnh hưởng. Cùng toàn dân thực hiện chủ trương “tiêu thổ kháng chiến”, nhiều trường lớp phải sơ tán về vùng tự do, vùng du kích. Sự thiếu ổn định của cơ sở trường lớp đã là một trở ngại lớn đối với việc dạy và học. Thêm vào đó là những thiếu thốn mọi mặt những điều kiện thiết yếu phục vụ cho giáo dục. Vì vậy, thầy và trò phải cùng nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh. Giáo viên và học sinh gia nhập Vệ quốc quân hoặc rút về hậu phương, ăn ở, sinh hoạt cùng với dân. Việc học được tổ chức ngay trong nhà dân hoặc các đình, chùa, các lán liếp tự dựng. Thực hiện đúng chủ trương “*Kháng chiến bằng Văn hóa*”, “*Văn hóa của Kháng chiến*” của Hồ Chủ tịch, giáo dục phổ thông đã không ngừng vươn lên để góp sức vào cuộc kháng chiến của nước nhà.

Luận văn phân tích sự phát triển của tiểu học, trung học từ 1946 - 1950 qua những số liệu cụ thể: số học sinh, giáo viên, số lượng trường lớp, các trường tiêu biểu hoạt động tốt, kết quả các kỳ thi... thấy được sự tiến triển của giáo dục phổ thông qua các năm học.

Bên cạnh đó, giáo dục phổ thông miền núi được Nhà nước đặc biệt quan tâm với tinh thần chủ đạo là: “Việc học của đồng bào miền núi là một vấn đề trọng yếu đã được Chính phủ đặc biệt chú ý đến. Cần phải tổ chức thể nào để nâng cao và phát triển văn hóa miền núi, để đào tạo một số cán bộ có học thức trong đồng bào miền núi, gây phong trào học hỏi, củng cố tinh thần đại đoàn kết giữa miền xuôi với dân miền ngược”.

Kế hoạch từ năm 1950, Bộ Quốc gia Giáo dục sẽ đặt những bộ phận riêng cho miền núi như bộ phận phụ trách việc viết sách giáo khoa cho miền núi, nghiên cứu những vấn đề của miền núi, phục vụ cho việc hoạch định những chính sách phù hợp hơn.

Song song với việc phát triển giáo dục phổ thông về số lượng và chất lượng trường lớp, việc đào tạo cán bộ giáo dục cũng được hết sức coi trọng. Vì vậy, nhiệm vụ được Bộ xác định là: “khâu chính của Bộ

Quốc gia Giáo dục ngoài việc phát triển giáo dục vẫn là vấn đề đào tạo cán bộ”[28, 249]. Thực tế cho thấy công tác này đã được Bộ tiến hành sâu sát qua các năm với việc mở các lớp sư phạm, các lớp huấn luyện giáo viên, các trại giáo dục tiểu học và trung học.

Đồng thời với việc nâng cao trình độ sư phạm, đời sống của giáo viên các cấp cũng được chú trọng nâng lên. Với giáo viên miền núi, đi lại và cuộc sống khó khăn gấp bội phần, cần tăng lương và có những khoản phụ cấp hợp lý như: phụ cấp đi lại, phụ cấp khí hậu xấu...Bác Hồ rất mực quan tâm đến đời sống của anh chị em giáo viên. Ngày 1 - 1 - 1950, Người ký Sắc lệnh lập ra các khoản phụ cấp chuyên môn và phụ cấp chức vụ cho giáo viên Tiểu học, giáo sư bậc Trung học và giáo sư bậc Đại học. Quan tâm đến giáo viên cũng chính là quan tâm đến sự phát triển bền vững của giáo dục.

Cuộc sống của học sinh Tiểu học, Trung học được Nhà nước quan tâm thể hiện qua việc học sinh được trợ cấp sinh hoạt phí, cấp sách vở, bút, đèn...và có chế độ học bổng.

Một yếu tố không thể thiếu của nền giáo dục nói chung là vấn đề sách giáo khoa. Đây được coi là khó khăn lớn nhất đối với tiểu học và trung học những năm đầu kháng chiến. Từ năm 1948, Tổng Giám đốc Trung học vụ đưa ra ý kiến: “Mỗi trường là một xưởng in, mỗi lớp là một nhà in, giáo sư, học sinh mỗi người phải là một người thợ in, một người thợ sắp chữ. Như vậy, sách giáo khoa mới được phổ biến mau chóng”[28, 78]. Việc soạn và in sách được Bộ Quốc gia Giáo dục phụ trách một phần và một phần giao đến từng Liên khu đảm nhiệm. Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1948, số sách giáo khoa tiểu học và trung học đã in là 44 quyển, in ra trên 40.000 bản, không kể ở Liên khu Giáo dục 1 và 10 còn có một số tập san khác.

Để việc soạn sách và in sách có thể nhanh chóng đáp ứng nhu cầu học tập của quần chúng nhân dân, Hội đồng Tu thư Trung ương được lập theo Nghị định số 143 - NĐ ngày 17 - 3 - 1949 và 21 - NĐ ngày 15 - 4 - 1949.

CHƯƠNG 3: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG THEO TINH THẦN CẢI CÁCH GIÁO DỤC (1950 - 1954)

3.1. Chủ trương cải cách giáo dục

Từ năm 1950, bối cảnh Việt Nam có những chuyển biến quan trọng.

Vượt lên mọi khó khăn, quân đội ta dần tiến lên giành thế chủ động đánh dấu bằng thắng lợi của chiến dịch Biên giới 1950. Trong bối cảnh Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Việt Nam, các chính phủ bù nhìn tay sai kế tiếp nhau được lập lên rồi sụp đổ, nền Dân chủ Cộng hòa Việt Nam vẫn vững vàng lớn mạnh.

Nhiệm vụ của giáo dục phổ thông thời kỳ này hòa chung với những nhiệm vụ chính trị, cách mạng của cả nước. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là đánh thắng giặc Pháp, giành lại hòa bình. Giáo dục không những tiếp tục phục vụ cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc mà còn phải phục vụ đắc lực cho cuộc

chiến đang ở thời điểm quyết định. Cách mạng càng tiến lên thì lại càng đòi hỏi chất lượng giáo dục được nâng cao.

Về nhiệm vụ và phương hướng của văn hóa giáo dục trong thời kỳ mới là: “Để đào tạo con người mới, cán bộ mới và để đẩy mạnh kháng chiến kiến quốc, phải bài trừ những di tích văn hóa giáo dục thực dân và phong kiến, phát triển nền văn hóa, giáo dục có tính chất: về hình thức thì dân tộc, về nội dung thì khoa học, về đối tượng thì đại chúng”. Chính sách văn hóa giáo dục nói chung là: “Thu tiêu nạn mù chữ, cải cách chế độ giáo dục, mở mang các trường chuyên nghiệp. Phát triển khoa học kỹ thuật và văn nghệ nhân dân. Phát triển tinh hoa văn hóa dân tộc đồng thời học tập văn hóa Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác. Phát triển văn hóa dân tộc.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, một sự kiện giáo dục nổi bật diễn ra từ năm 1950 là cuộc cải cách giáo dục. Vấn đề cải tổ được đặt ra nhằm ba mục tiêu: 1. Dân chủ hóa nền giáo dục; 2. Đào tạo con người mới, gạt bỏ những tàn tích cũ; 3. Chương trình học phải thiết thực theo nhu cầu của đời sống hiện tại. Các kỳ thi cuối mỗi cấp học đều bị xóa bỏ. Việc lên lớp căn cứ vào học bạ và các kỳ thi tiện ích trong lớp. Cuối năm học lớp 9, học sinh mới phải qua một kỳ thi tốt nghiệp có tính chất kiểm tra tổng quát những kiến thức đã học của học sinh [28, 568].

Đề án cải tổ giáo dục chính thức được Bộ Quốc gia Giáo dục thông qua ngày 5 - 7 - 1950 với những tinh thần cơ bản đã được vạch ra và hoàn thiện qua các cuộc họp của Hội đồng Giáo dục mở rộng ngày 26, 27, 28 - 2 - 1950, Hội đồng Chính phủ đầu tháng 4 năm 1950 và Hội nghị Giáo dục chuyên môn ngày 15, 16 - 6 - 1950. Ngày 31 - 7 - 1950, Thông tư số 56 - TT/P3 đặt hệ thống trường phổ thông 9 năm được ban hành.

Trong quan điểm giáo dục của Người, “thật thà phụng sự nhân dân” trở thành mục tiêu và tôn chỉ cho hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh. Học tập để phục vụ cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc không phải là việc riêng của cá nhân, tổ chức nào hay của lứa tuổi nhất định. Người từng tổng kết: học để sửa chữa tư tưởng, học để tu dưỡng đạo đức cách mạng, học để tin tưởng vào Đoàn thể, vào nhân dân, vào tương lai của dân tộc, vào tương lai cách mạng, học để hành.

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh thần cải cách giáo dục, giáo dục phổ thông giai đoạn 1950 - 1954 tập trung vào một mục tiêu duy nhất: phục vụ cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc và phụng sự cho công cuộc kiến thiết nước nhà. Được sự lãnh đạo của Người, dù hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, thiếu thốn mọi bề nhưng giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng không ngừng vươn lên, khắc phục hoàn cảnh để có thể đóng góp cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn.

3.2. Củng cố và phát triển giáo dục phổ thông phục vụ kháng chiến

Dưới sự chỉ đạo thường xuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường lối cải cách giáo dục, trong thời gian 1950 - 1954, giáo dục phổ thông có những bước đi có thể coi là sự chuyển hướng cho phù hợp với tình hình mới.

Cải cách giáo dục với trọng tâm là việc xây dựng hệ thống giáo dục phổ thông mới 9 năm đã từng bước được triển khai ở các vùng giải phóng từ Liên khu IV trở ra. Các tỉnh cực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, miền Đông và miền Tây Nam Bộ vẫn tiếp tục học theo chương trình cũ đã cải tiến.

Ở các vùng địch chiếm đóng, về cơ bản, các trường vẫn dạy theo hệ thống giáo dục phổ thông cũ từ tiểu học đến hết trung học đệ nhị cấp là 12 năm, nội dung và chương trình gần giống trước năm 1945.

Như vậy, mặc dù những nhà lãnh đạo giáo dục mong muốn sẽ thực hiện cải cách giáo dục trên toàn quốc nhưng điều đó khó có thể thực hiện ngay bởi những chia cắt của cuộc chiến tranh. Thực tế, đến thời điểm này, trên toàn cõi Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hệ thống giáo dục với bản chất và mục đích giáo dục khác nhau, đặc biệt là giữa vùng tự do và vùng địch chiếm.

Luận văn trình bày tình hình giáo dục phổ thông những năm 1950 - 1954 qua những số liệu cụ thể về trường lớp, số lượng học sinh và giáo viên, thấy được sự tăng giảm qua các năm. Tuy nhiên, so sánh số lượng giáo viên và rõ nhất, số lượng học sinh các cấp học cho thấy số giáo viên, học sinh cấp I gấp nhiều lần giáo viên, học sinh cấp II, III. Từ đó cũng có thể rút ra kết luận ban đầu là đến năm học 1950 - 1951, khi bước vào thực hiện nội dung cải cách giáo dục chưa được bao lâu thì giáo dục ở cấp thấp vẫn là phổ biến, còn giáo dục cấp cao hơn, cấp II, nhất là cấp III còn rất hạn chế. Đây là hệ quả tất yếu của một nền giáo dục chịu sự chi phối hơn tám mươi năm của thực dân Pháp và những tác động của cuộc chiến chống Pháp đang diễn ra trên đất nước ta.

Năm 1950, sự kiện không chỉ có ý nghĩa giáo dục mà còn có ý nghĩa chính trị lớn là sự giúp đỡ của các nước anh em đối với nước ta về giáo dục trong kháng chiến. Tuy cách mạng mới thành công nhưng Trung Quốc đã nhận một số lớn thiếu nhi của ta sang nuôi dưỡng và học tập chu đáo. Bên cạnh đó, Liên Xô, Tiệp Khắc, Cộng hòa Dân chủ Đức, mỗi nước nhận hàng trăm thiếu nhi Việt Nam nuôi dưỡng và học tập [50, 24].

Trong năm học 1952 - 1953, 1953 - 1954, nhờ phong trào quần chúng chung và cán bộ có ý thức phục vụ hơn nên ngành giáo dục nói chung đi vào hướng mới và được củng cố hơn. Giáo viên và học sinh hòa nhập được tốt hơn với những sinh hoạt chung của cuộc kháng chiến.

So sánh giáo dục phổ thông từ 1950 - 1954 với giáo dục phổ thông giai đoạn 1945 - 1950, một điểm khác biệt nổi trội là ở giai đoạn sau, hoạt động chính huấn giáo viên, rèn luyện học sinh được nâng lên ở mức cao hơn. Đó là do nhu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến đang đi đến giai đoạn quyết định nên giáo dục phổ thông gắn liền với mục tiêu thiết thực là phục vụ cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn. Vì vậy, cần phải có những con người có đầy đủ sức khỏe, có lòng yêu nước, dám hy sinh, có tinh thần trách nhiệm, không sợ khó, không sợ khổ. Giáo dục cũng phải có những hoạt động thiết thực khác tham gia vào cuộc chiến như đóng góp sức người, sức của, góp phần tuyên truyền chống giặc, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân...

Dù trong điều kiện chiến tranh, lại ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa nhưng giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng vẫn được Chính phủ và Bộ quan tâm phát triển. Việc mở trường tại các tỉnh miền núi rất được chú ý. Số học sinh đi học khá đông. Riêng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có 39.300 học sinh các dân tộc thiểu số: Thổ, Nùng, Mường, Mán, Thái, Nháng... Nữ sinh đi học đông hơn, đầu năm 1952, cả nước có 108700 học sinh. Những năm 1950 - 1954, được sự quan tâm của Chính phủ và Bộ Quốc gia Giáo dục chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục miền núi nên giáo dục phổ thông có những bước tiến nhất định. Sự phát triển này còn nhỏ bé so với yêu cầu của phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội miền núi cũng như những nhu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến chống Pháp - một cuộc chiến lấy địa bàn miền núi là chủ yếu.

Giai đoạn 1950 - 1954, giáo dục phổ thông trong vùng địch chiếm, vùng địch hậu có những nét riêng, kết hợp giáo dục với việc chống phá địch, nhất là trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục. Những kết quả của giáo dục phổ thông trong vùng địch chiếm, vùng địch hậu có ý nghĩa nhất định đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Quan trọng hơn, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Quốc gia Giáo dục đã tạo được niềm tin đối với nền giáo dục dân chủ nhân dân trong lòng dân.

Chính sách cán bộ trong những năm 1950 - 1954 được Chính phủ và Bộ Quốc gia Giáo dục chú trọng, đặc biệt trong việc bồi dưỡng đạo đức, tư tưởng cách mạng. Cùng với việc bồi dưỡng tư tưởng chính trị, trình độ nghiệp vụ và chuyên môn của giáo viên thường xuyên được Chính phủ, Bộ Quốc gia Giáo dục quan tâm và chú trọng phát triển giáo viên mới.

Song song với việc đào tạo cán bộ giáo dục về mặt đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn, Chính phủ và Bộ quan tâm nâng cao đời sống cho giáo viên.

Quan tâm đến đời sống của học sinh cũng là một trong những biện pháp khuyến khích giáo dục.

Tiếp tục công việc không thể thiếu của những năm học trước là biên soạn và in ấn sách giáo khoa, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh. Để việc biên soạn sách đạt chất lượng tốt hơn, đồng thời tổ chức được quy củ hơn, ngày 22 tháng 7 năm 1953, Nghị định số 171 - NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục được ban hành quyết định thành lập một Ban biên tập được tại Bộ Giáo dục.

Giáo dục phổ thông 1950 - 1954 chịu nhiều tác động của kháng chiến chống thực dân Pháp bởi đây là giai đoạn quyết định những thành bại trên chiến trường. Tuy nhiên, đây cũng là quãng thời gian giáo dục phổ thông đóng góp được nhiều nhất cho cuộc chiến cả về sức người, sức của và những hoạt động tuyên truyền chính trị quan trọng khác. Giáo dục phổ thông đã thực sự gắn với công cuộc kháng chiến và kiến quốc của nước nhà.

KẾT LUẬN

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với nỗ lực không ngừng của Bộ Quốc gia Giáo dục, của toàn dân, giáo dục phổ thông giai đoạn 1945 - 1954 đã có những biến đổi căn bản về chất. Trước cách mạng Tháng Tám 1945, giáo dục phổ thông thể hiện rõ bản chất của một nền giáo dục thuộc địa. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là những tiền đề quan trọng giúp cho chúng ta xây dựng một nền giáo dục hoàn toàn mới, thay thế cho nền giáo dục thực dân, thuộc địa và phong kiến lạc hậu. Đó là nền giáo dục *cách mạng, dân tộc* và *dân chủ*, dựa trên ba nguyên tắc cơ bản: *dân tộc, khoa học* và *đại chúng*. Một nền giáo dục phổ thông hoàn toàn Việt Nam đã được xây dựng nên. Tiếng Việt được dùng để giảng dạy trong các trường phổ thông. Ở miền núi, tùy từng địa phương để dạy bằng tiếng của chính dân tộc thiểu số trong vùng. Dù bằng tiếng Việt hay tiếng các vùng dân tộc thì yếu tố Việt đã được tôn vinh. Tiếng Pháp trước đây giữ địa vị độc tôn, giờ là một môn học ngoại ngữ trong chương trình. Sau cải cách 1950, giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng càng thể hiện đậm nét là nền giáo dục kháng chiến, phục vụ cho công cuộc kháng chiến và kiến quốc của nước nhà.

Như vậy, có thể khẳng định những hoạt động xây dựng giáo dục phổ thông của nhân dân ta những năm 1945 - 1954 thực chất là cuộc đấu tranh quyết liệt chống nền giáo dục thực dân. Trong cuộc đấu tranh lạng lặc mà không kém phần cam go đó, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam một lần nữa chiến thắng vẻ vang.

Những thành tựu đạt được cũng như những việc chưa làm được của giáo dục phổ thông 1945 - 1954 xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cho phép tôi được nêu một số nhận xét tổng quát như sau:

Thứ nhất là sự nghiệp giáo dục của Việt Nam nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng có được sự lãnh đạo của Chủ tịch nước Hồ Chí Minh. Người không chỉ sáng lập ra chế độ mới, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà còn là người đặt nền móng cho một nền giáo dục dân tộc, dân chủ của nước nhà.

Trong giai đoạn 1945 - 1954, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục được thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo con người và quyết định sự phát triển bền vững của dân tộc. “Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn, phần nhiều do giáo dục mà nên” thể hiện đầy đủ quan niệm của Người về tác dụng của giáo dục.

Trong chiến tranh, giáo dục phải tích cực phục vụ kháng chiến và kiến quốc.

Từ đó, giáo dục cần thiết thực, học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Kết quả nền giáo dục đem lại phải có tác dụng trực tiếp đối với công cuộc kháng chiến, kiến quốc của nước nhà.

Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng nhân dân đông đảo, phục vụ cho quần chúng nhân dân đông đảo. Không tồn tại giáo dục cho một số ít người, vì vậy, giáo dục phải dân chủ, bình đẳng.

Thứ hai, phải coi giáo dục là một bộ phận của đời sống xã hội. Không có nền giáo dục nào đứng trên hoặc đứng ngoài xã hội.

Thứ ba, phải xác định được giáo dục luôn gắn liền với mục đích chính trị. Quan trọng hơn, giáo dục còn là phương tiện để thực hiện mục đích chính trị như Hồ Chí Minh từng khẳng định học tập để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh.

Thứ tư, dưới chế độ thực dân, giáo viên là lớp công chức bị rẻ rúng, bạc đãi, đời sống vật chất thiếu thốn thì giáo dục dân chủ mới thể hiện địa vị của người giáo viên được đề cao, được trân trọng.

Thứ năm, để giáo dục phát triển một cách thuận lợi, phải thực hiện giảng dạy bằng tiếng Việt.

Thứ sáu, sách giáo khoa là phương tiện tối thiểu cần phải có trong quá trình dạy và học. Việc biên soạn và in ấn cần làm đồng bộ với việc thay đổi đường lối hay chương trình giáo dục.

Thứ bảy, bài học lớn lấy dân làm gốc, biết dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Thứ tám, giáo dục phổ thông giai đoạn 1945 - 1954 còn tồn tại nhiều hạn chế: Giáo dục không đồng đều giữa các cấp học, Tính toàn diện của nền giáo dục chưa được thực hiện đầy đủ, Giáo dục miền núi tuy có phát triển nhưng chưa thực sự vững chắc và chưa đáp ứng được nhu cầu cũng như khả năng của miền núi, nặng về công tác giáo dục, rèn luyện tư tưởng đạo đức, cách mạng cho giáo viên và học sinh nên việc dạy và học kiến thức khoa học ít nhiều bị ảnh hưởng, Cải cách giáo dục là chủ trương đúng nhưng trong cách thực hiện chuyển đổi từ giáo dục cũ sang giáo dục mới còn chậm và nhiều lúng túng, Việc sửa đổi phương pháp dạy không có kế hoạch cụ thể, không có người theo dõi nên giáo viên rất lúng túng, việc in ấn và phát hành sách giáo khoa còn chậm, phát hành thiếu kế hoạch cụ thể, Cán bộ phụ trách giáo dục còn thiếu và yếu.

Thứ chín, giáo dục là bộ phận quan trọng cấu thành nên văn hóa. Trong cuộc cách mạng văn hóa xã hội, giáo dục là một trong những yếu tố cần đi tiên phong và được chú ý hàng đầu bởi hơn hết, giáo dục có tác động trực tiếp làm cải biến tư tưởng nhận thức của con người.

Hồ Chí Minh đã vạch ra được mục đích và chức năng của giáo dục, xác định được vị trí của giáo dục trong sự nghiệp cách mạng. Do đó, nền giáo dục Việt Nam có được hướng phát triển đúng đắn, thực sự là nền giáo dục dân tộc, dân chủ, vì con người và sự nghiệp chung của quần chúng nhân dân đông đảo.